

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 25 – 02 – 2021  
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thừa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Ngọc Anh
2. Bà Trần Thị Lệ Hiếu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trương Văn H, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp P, xã VA, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị D, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp P, xã VA, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trương Văn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc. Anh chị cũng đã tạo điều kiện để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành, đã không còn sống chung từ nhiều năm nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là Trương Gia T (giới tính: nam) sinh ngày 20/02/1994, cháu T đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về thủ tục tố tụng:*

[1]. Anh Trương Văn H và chị Trần Thị D sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình anh chị chung sống phát sinh mâu thuẫn nên yêu cầu giải quyết ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn”. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2.]. Đối với bị đơn Trần Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

*Về nội dung vụ án:*

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trương Văn H và chị Trần Thị D tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh H và chị D phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H xác định do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa anh chị thường hay cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã tìm cách hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành. Theo lời trình bày của đương sự, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị D thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của anh H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do anh H và chị D không đăng ký hôn theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trương Văn H và chị Trần Thị D.

[4]. Về con chung: Anh Trương Văn H và chị Trần Thị D có 01 con chung là Trương Gia T (giới tính: nam), sinh ngày 20/02/1994. Con chung đã trưởng thành, anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Anh Trương Văn H xác định tự thỏa thuận, không yêu giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Anh Trương Văn H xác định không có, không yêu giải quyết nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trương Văn H và chị Trần Thị D.

2. Về con chung: Con đã trưởng thành, anh Trương Văn H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh Trương Văn H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Trương Văn H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Anh Trương Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh Trương Văn H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001959 lập ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- UBND xã VA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Ngô Thừa**